

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 20
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	21
Báo cáo kiểm toán độc lập	22 - 23
Báo cáo thu nhập	24 - 25
Báo cáo tình hình tài chính	26 - 27
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	28
Báo cáo danh mục đầu tư	29 - 30
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	31 - 32
Thuyết minh báo cáo tài chính	33 - 71

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 đồng, chiếm 120,85% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 127.139.165.400 đồng tương đương với 12.713.916,54 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) với chức năng là lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017
Bà Phạm Thị Phương Nhi	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2014
		Miễn nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 15 tháng 7 năm 2017 là Ông Avinash D. Satwalekar - Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ từ ngày 15 tháng 7 năm 2017 đến ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Đông - Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

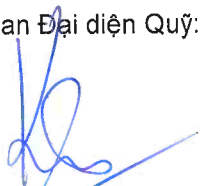
Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Nguyễn Trung Kiên
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2018

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 31,32% và 27,12% so với ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3. Chiến lược đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của chủ sở hữu chứng chỉ quỹ.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

Loại hình đầu tư	Mức độ rủi ro	Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)
Cổ phiếu	Trung bình đến cao	50,00%
Tài sản có thu nhập cố định	Thấp đến trung bình	50,00%

Việc phân bổ tài sản có thể tăng/giảm 25,00% so với tỷ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản. Thông thường tỷ lệ phân bổ vào tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp với chiến lược đầu tư thận trọng. Tỷ lệ phân bổ cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi cho chiến lược đầu tư nhắm vào tăng trưởng vốn.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào danh mục cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với vốn hóa thị trường lớn và thanh khoản tốt. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn cổ phiếu vốn hóa thị trường lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 251.751.917.501 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 12.713.916,54 chứng chỉ quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Chỉ số tham chiếu được tính bằng 50% tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex cộng với 50% lợi suất trái phiếu có kỳ hạn 10 năm của Chính phủ Việt Nam được lấy từ Reuters tại ngày đầu tiên của mỗi năm.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu chứng chỉ Quỹ sẽ do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định về quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu chứng chỉ Quỹ và Ban Đại diện Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu chứng chỉ Quỹ.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ: Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

<i>Cơ cấu tài sản quỹ</i>	<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (%)</i>	<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (%)</i>
Danh mục chứng khoán	74,46%	66,09%
Tài sản khác	25,54%	33,91%
Tổng cộng	100,00%	100,00%

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	251.751.917.501	151.681.688.763
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	12.713.916,54	10.059.647,03
3	Giá trị tài sản ròng của một đơn vị CCQ	19.801,28	15.078,23
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	19.801,28	15.901,44
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	15.138,95	12.444,05
6	Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	19.801,28	15.078,23
7	Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	19.801,28	15.901,44
8	Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	15.138,95	12.444,05
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	31,32%	15,45%
9.1	Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) (*)	27,40%	12,77%
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (*)	3,92%	2,68%
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,14%	2,56%
14	Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,2264	0,3332

(*) Phần phân tách tăng trưởng / 1 đơn vị CCQ thành tăng trưởng thu nhập / 1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn / 1 đơn vị CCQ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị chứng chỉ quỹ	Tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị chứng chỉ quỹ hàng năm
1 năm	31,32%	31,32%
Từ khi thành lập	98,01%	18,51%
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	63,28%	12,96%

4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (%)	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ	31,32%	15,45%

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

1. Tăng trưởng GDP vượt mục tiêu và cao nhất trong 10 năm qua

Được hỗ trợ bởi tăng trưởng kinh tế toàn cầu, tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2017 vượt mọi dự báo, đặc biệt là những dự báo được đưa ra từ hồi đầu năm. Tăng trưởng GDP trong Quý 4 đạt 7,7%, đẩy tốc độ tăng trưởng GDP cả năm lên 6,8%, mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2007. Trái với tình trạng kinh tế tăng trưởng quá nóng vào năm 2007, kinh tế năm 2017 được cho là không quá nóng cũng không quá lạnh. Chính phủ cũng hoàn thành các mục tiêu khác và tiếp tục cam kết ưu tiên phát triển bền vững.

Tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ trong năm 2017 được đóng góp từ tất cả các ngành. Khu vực Nông, Lâm nghiệp, và Thủy sản chiếm 15,3% tổng GDP phục hồi mạnh từ các vấn đề về khí hậu và môi trường của năm 2016, tăng trưởng 2,9% trong năm 2017 so với chỉ 1,4% của năm 2016. Khu vực Dịch vụ, chiếm 41,3% tổng GDP, tăng 7,4% trong năm 2017, cao hơn mức 7,0% của năm 2016. Đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng này là từ bán buôn, bán lẻ, dịch vụ tài chính và dịch vụ bất động sản. Tất cả đều ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm qua. Ngành Du lịch cũng tăng trưởng ấn tượng với tổng doanh thu tăng 10,4% và lượng du khách nước ngoài tăng 29,1% so với cùng kì năm trước, đạt 12,9 triệu lượt khách.

2. Ngành Công nghiệp chế biến chế tạo là động lực tăng trưởng lớn

Khu vực Công nghiệp và Xây dựng, chiếm 33,3% tổng GDP, tăng trưởng 8,0% trong năm 2017, cao hơn mức tăng trưởng 7,6% của năm 2016 nhưng vẫn thấp hơn mức tăng trưởng 9,6% của năm 2015. Ngành Công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng chính, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng trưởng cao nhất trong 7 năm qua. Máy tính, các sản phẩm điện tử và quang học, bao gồm điện thoại di động và tivi, tăng trưởng mạnh nhất, tăng 32,7% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, do sản lượng dầu thô và than đá giảm, ngành Khai khoáng giảm 7,1% trong năm 2017 (so với 4,0% của năm 2016), làm GDP giảm 0,5%.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

3. PMI duy trì trên 50 điểm trong cả năm 2017 – Chỉ số niềm tin kinh doanh ở mức cao

Chỉ số Quản trị Mua hàng (PMI) tăng lên 52,5 điểm trong tháng 12 năm 2017 sau khi giảm nhẹ trong 2 tháng trước đó. Chỉ số PMI thể hiện nền kinh tế đã liên tục mở rộng trong hơn 2 năm qua nhờ số lượng đơn hàng mới tăng, xuất khẩu và sức mua tăng và nhiều việc làm mới được tạo ra. Theo kết quả khảo sát của Tổng cục Thống kê (GSO), chỉ số niềm tin kinh doanh đang ở mức cao với 48,2% các doanh nghiệp được khảo sát kỳ vọng điều kiện kinh doanh được cải thiện và 35,7% các doanh nghiệp dự đoán điều kiện kinh doanh ổn định trong Quý 1 năm 2018.

4. Nhu cầu nội địa là động lực tăng trưởng chính, xét theo phương pháp chi tiêu

Nhu cầu trong nước là động lực tăng trưởng chính với chỉ số niềm tin người tiêu dùng ở mức cao. Nhu cầu lao động tăng cao giúp giảm nghèo và thu nhập của khu vực kinh tế tư nhân tăng mạnh kể từ năm 2014. Ngân hàng Thế giới ước tính đã có thêm 2,9 triệu việc làm được tạo ra trong 3 năm cho đến cuối năm 2016, trong số đó có 1,6 triệu việc làm trong khu vực sản xuất và 0,7 triệu việc làm trong khối xây dựng và dịch vụ. Số lượng việc làm tăng, lương tăng cùng với lạm phát thấp, giúp tổng sức mua và chi tiêu tăng. Tăng trưởng thực của khối bán lẻ đạt mức 9,5% trong tháng 12 năm 2017, so với cùng kỳ và tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định từ mức 4,7% trong tháng 12 năm 2011.

5. Xuất khẩu tăng mạnh và cán cân thương mại có dấu hiệu duy trì thặng dư bền vững

Xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng trong năm 2017, với mức tăng ấn tượng 21,1% so với cùng kỳ năm trước, đạt 214 tỷ đô la Mỹ và vượt qua tổng giá trị nhập khẩu. Xuất khẩu điện thoại di động và các sản phẩm điện tử khác đạt 71,2 tỷ đô la Mỹ, chiếm 1/3 tổng giá trị xuất khẩu và tăng 33,3% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu hàng may mặc và giày dép tăng 10,1% lên 40,7 tỷ đô la Mỹ. Xuất khẩu hàng nông sản và thủy hải sản cũng tăng mạnh, với mức tăng lần lượt là 13,7% và 18,5%, đạt 15,3 tỷ đô la Mỹ và 8,3 tỷ đô la Mỹ. Giá trị xuất khẩu các loại hàng hóa, đặc biệt là dầu thô và cao su, được hưởng lợi từ sự phục hồi của giá xuất khẩu. Hoa Kỳ và EU là hai thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm 19,4% và 17,9% trong tổng xuất khẩu, và giá trị xuất khẩu vào hai thị trường này tăng 8,0% và 12,8% so với cùng kỳ năm trước. Thị trường xuất khẩu lớn tiếp theo là Trung Quốc với 35,3 tỷ đô la Mỹ và ghi nhận mức tăng trưởng mạnh, đạt 60,6%.

Giá trị nhập khẩu tăng 20,8% lên 211,1 tỷ đô la Mỹ giúp cán cân thương mại năm 2017 đạt mức thặng dư 2,9 tỷ đô la Mỹ. Đồ điện tử, máy tính và linh kiện là mặt hàng nhập khẩu lớn nhất với tổng giá trị 37,7 tỷ đô la Mỹ, chiếm 17,9% tổng giá trị nhập khẩu, và tăng 34,4% so với cùng kỳ năm trước. Giá trị nhập khẩu máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế là 33,7 tỷ đô la Mỹ, chiếm 16,0% tổng giá trị nhập khẩu, và tăng 17,9% so với cùng kỳ. Trung Quốc và Hàn Quốc là hai nhà cung cấp lớn nhất chiếm 27,7% và 22,2% tổng giá trị nhập khẩu, trong đó nhập khẩu từ Hàn Quốc tăng mạnh 45,5%.

6. Dòng vốn FDI tiếp tục mạnh mẽ

Tổng vốn FDI đăng ký mới và đăng ký bổ sung đạt 29,7 tỷ đô la Mỹ, tăng mạnh 44,2% so với năm 2016. Trong tổng số vốn FDI đăng ký, có 14,1 tỷ đô la Mỹ (47,6% tổng vốn FDI) là vào các dự án chế biến, chế tạo, 8,4 tỷ đô la Mỹ (28,2% tổng vốn FDI) là vào các dự án điện, nước và khí. Nhật Bản là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất với 7,7 tỷ đô la Mỹ, tiếp theo là Hàn Quốc (4,0 tỷ đô la Mỹ), Singapore (3,8 tỷ đô la Mỹ) và Trung Quốc (1,4 tỷ đô la Mỹ). Giải ngân vốn FDI tăng 10,8% so với cùng kỳ năm trước lên 17,5 tỷ đô la Mỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

7. Dòng vốn FII tăng rất mạnh, dự trữ ngoại hối ở mức kỷ lục, tỷ giá được duy trì ổn định

Giá trị mua ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán đạt 1,1 tỷ đô la Mỹ trong 2017, cao hơn tổng giá trị mua ròng của 5 năm trước đó.

Tất cả các yếu tố này, dòng vốn đầu tư, kiều hối và thặng dư thương mại đã giúp tỷ giá ổn định: tỷ giá VND:USD của các ngân hàng thương mại tăng nhẹ 0,2% so với cùng kỳ năm trước trong khi Ngân hàng Nhà nước đã nâng dự trữ ngoại hối lên mức kỷ lục, đạt 52 tỷ đô la Mỹ.

8. Tăng trưởng tín dụng và cung tiền được kiểm soát, lạm phát duy trì ở mức thấp

Các chỉ báo tiền tệ trong năm 2017 cho thấy một môi trường kinh tế ổn định hơn nhiều so với năm 2007, chính sách nới lỏng tiền tệ được áp dụng ở mức độ thấp hơn so với thời kỳ hậu khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2009. Tăng trưởng tín dụng trong năm 2017 đạt 18,2%, vẫn thấp hơn mức tăng trưởng 18,7% của năm 2016. Cung tiền cũng tăng thấp hơn, với M2 tăng 16,0% so với 16,5% của năm 2016.

Lạm phát năm 2017 ở mức thấp với chỉ số CPI tăng 2,6%, thấp hơn tỷ lệ lạm phát 4,7% trong năm 2016. Lạm phát cơ bản trung bình giảm từ mức 1,8% trong năm 2016 xuống mức 1,4% trong năm 2017. Các yếu tố chính ảnh hưởng đến lạm phát năm 2017 bao gồm giá dịch vụ y tế tăng 42,3% do Chính phủ điều chỉnh giá dịch vụ y tế, và giá dịch vụ giáo dục tăng 9,1%.

9. Thâm hụt ngân sách đạt kế hoạch dù thu ngân sách thấp hơn kế hoạch

Chính phủ kiểm soát thâm hụt ngân sách ở mức 170,8 nghìn tỷ đồng (5,1 tỷ đô la Mỹ), thấp hơn một chút so với chỉ tiêu 3,5% GDP. Thu ngân sách thấp hơn 8,9% so với kế hoạch, chủ yếu do thu từ khối doanh nghiệp nhà nước giảm. Bằng việc quản lý tổng chi ngân sách ở mức 87,7% của kế hoạch, cụ thể là chỉ có 72,3% vốn xây dựng cơ bản được giải ngân, Chính phủ đã giảm thâm hụt ngân sách. Do tăng trưởng GDP ở mức cao hơn, tỷ lệ nợ công trên GDP được kiểm soát ở mức dưới 65,0% và đã được cải thiện từ 63,7% trong năm 2016 xuống 61,3% trong năm 2017.

10. Triển vọng 2018

Tương tự như các năm trước, vào đầu năm mới, Chính phủ đã công bố các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và Dự toán ngân sách năm 2018, sau khi kế hoạch đã được thông qua tại kỳ họp Quốc hội vào cuối năm 2017. Hầu hết các mục tiêu được đặt tương tự như năm 2017. Các chính sách, đã được chứng minh là thành công năm 2017 cũng sẽ được duy trì cho năm 2018, với mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng và duy trì ổn định kinh tế. Chính phủ sẽ tập trung nhiều hơn vào phát triển khu vực nông nghiệp và đẩy mạnh tăng trưởng của khu vực sản xuất công nghiệp, tập trung vào tăng năng suất lao động và giá trị gia tăng của sản phẩm.

Trong điều kiện bội chi ngân sách ở mức cao và chỉ tiêu thường xuyên chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chỉ tiêu ngân sách nhà nước, làm giảm khả năng gia tăng nợ công trong trường hợp cần thiết, Chính phủ đã đưa ra một loạt các giải pháp, tập trung vào kiểm soát chi tiêu thường xuyên và kỷ luật ngân sách. Chính phủ đặt mục tiêu duy trì chỉ tiêu thường xuyên ở mức 64,1% và sử dụng 26,0% ngân sách cho đầu tư phát triển. Thâm hụt ngân sách được đặt ra ở mức 3,7% GDP và nợ công được kiểm soát dưới 65,0% GDP.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

CÁC CHỈ SỐ KINH TẾ VĨ MÔ CHỦ YẾU

	Q4-2017	Q3-2017	Q2-2017	Q1-2017	Q4-2016	Q3-2016	Q2-2016	Q1-2016	Q4-2015
Tăng trưởng GDP - Quý này	yoy	7.7%	7.5%	6.3%	5.2%	6.4%	5.8%	5.5%	7.0%
Tăng trưởng GDP - Từ đầu năm	yoy	6.8%	6.4%	5.7%	5.2%	6.0%	5.5%	5.5%	6.7%
CPI	{ mom yoy	0.2% 2.6%	0.1% 2.6%	0.4% 3.0%	VN Index (HSX)		{ ytd yoy	42.9% 42.8%	25.9% 23.9%
Cung tiền (M ₂)	ytd	16.0%	n.a.	n.a.	HNX Index		{ ytd yoy	43.3% 42.5%	31.3% 27.8%
Tăng trưởng tín dụng	ytd	18.2%	15.3%	13.6%					
Tăng trưởng bán lẻ thực	yoy	9.5%	9.5%	9.4%	Mua ròng của Nhà đầu tư NN (\$ m)		\$	66.2 \$	495.6 \$
Chỉ số sản xuất Công nghiệp	{ mom yoy	2.0% 11.2%	2.8% 17.2%	8.0% 17.0%	FDI đăng ký mới (\$ m)		mth	1,879 \$	4,297 \$
					FDI đã giải ngân (\$ m)		mth	1,500 \$	1,800 \$
Chỉ số Sản xuất	{ mom yoy	2.0% 17.8%	4.7% 24.3%	6.7% 22.3%	Xuất khẩu (\$ m)		mth	19,549 \$	19,990 \$
					Nhập khẩu (\$ m)		mth	19,808 \$	19,394 \$
PMI	mth	52.5	51.4	51.6	Cán cân thương mại (\$ m)		ytd	2,915 \$	3,174 \$

Người: GSO, SBV, VCB, Hải quan, Nikkei + tổng hợp khác

cải thiện

Sụt giảm/không đổi

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ (*)	3,92%	Không áp dụng
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ (*)	27,40%	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	31,32%	18,51%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng

(*) Phân phân tách tăng trưởng/1 đơn vị CCQ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	251.751.917.501	151.681.688.763	65,97%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	19.801,28	15.078,23	31,32%

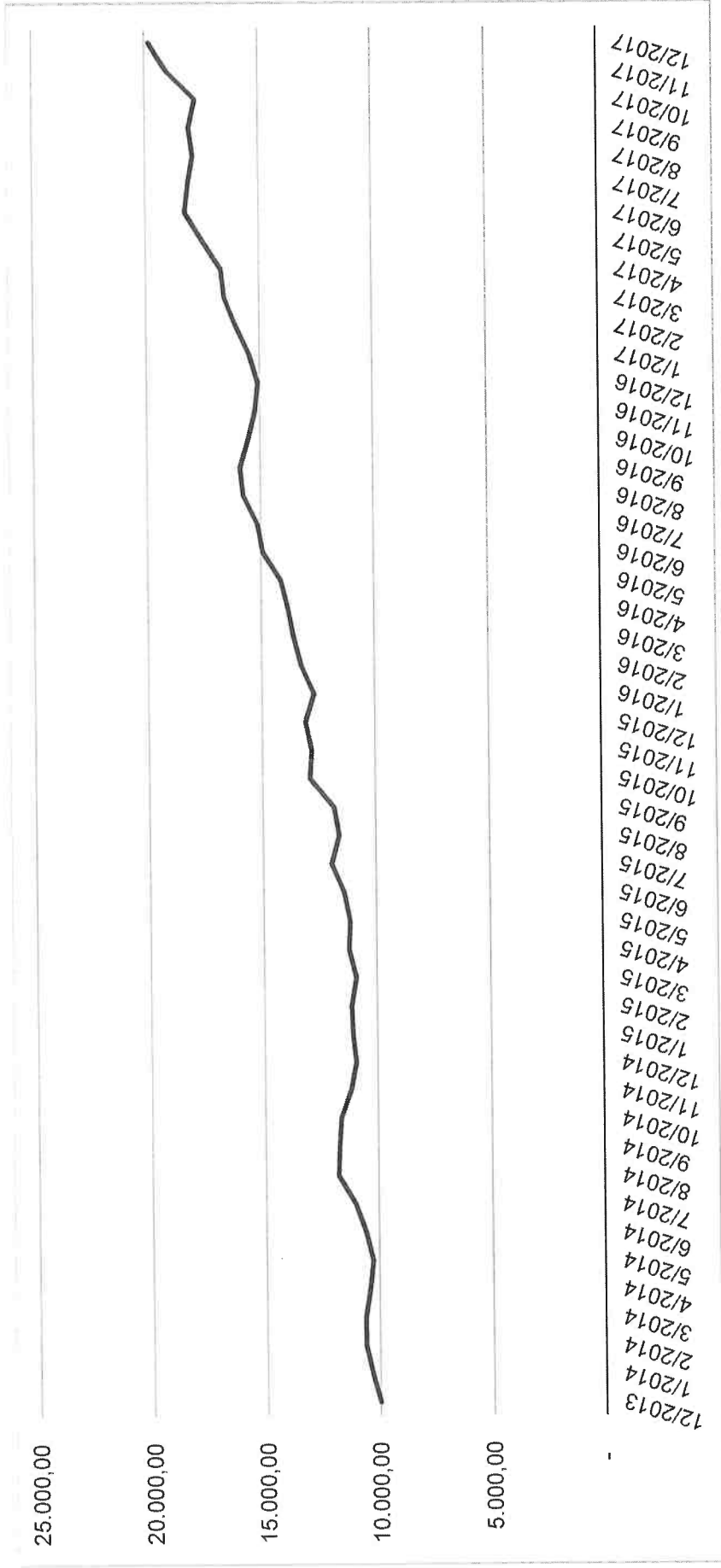
**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ hàng tháng của Quỹ:



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	726	1.130.635,04	8,89%
Từ 5.000 đến 10.000	145	979.524,89	7,70%
Từ 10.000 đến 50.000	95	1.914.304,92	15,06%
Từ 50.000 đến 500.000	27	2.110.093,46	16,60%
Trên 500.000	3	6.579.358,23	51,75%
Tổng cộng	996	12.713.916,54	100,00%

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

1. Thị trường cổ phiếu

a. *Thị trường tăng trưởng mạnh trong năm 2017. VNIndex tiến gần sát mốc 1.000 điểm vào cuối năm.*

VNIndex đóng cửa năm tại 984,24 điểm, gần đạt mốc 1.000 điểm, vượt qua tất cả các dự báo từ đầu năm. Với mức điểm này, VNIndex đã tăng 22,4% trong Quý 4 năm 2017, đánh dấu một trong số ít các năm thị trường tăng liên tục trong 4 quý. Tính cả năm, VNIndex đã tăng 48,0% trong năm 2017, là năm thị trường có mức tăng trưởng cao thứ 3 kể từ khi thành lập, chỉ sau mức tăng trưởng nóng 144,5% của năm 2006 và mức hồi phục từ khủng hoảng 56,8% của năm 2009. Năm 2017 cũng đánh dấu năm thứ 6 liên tiếp VNIndex tăng trưởng dương. Tăng trưởng GDP vượt dự báo, chính sách tiền tệ nới lỏng có kiểm soát, tỷ giá và lãi suất ổn định, khối ngoại mua ròng kỷ lục, thành công của các thương vụ thoái vốn tại Tổng công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn - Sabeco (HSX: SAB) và Công ty cổ phần sữa Việt Nam - Vinamilk (HSX: VNM) và lợi nhuận doanh nghiệp tăng trưởng cao là các động lực chính thúc đẩy thị trường.

b. *Thanh khoản và quy mô thị trường tăng mạnh*

Giá trị giao dịch cả năm 2017 trên HSX đạt 1,04 triệu tỷ đồng, tăng 73,0% so với năm 2016. Giá trị trung bình phiên đạt trên 4.100 tỷ đồng, vượt qua thị trường chứng khoán Philippines.

Ở phía cầu, dòng tiền đổ mạnh vào thị trường do lãi suất tiếp tục duy trì ở mức thấp. Trái với năm 2016 khi lãi suất bình quân liên ngân hàng tăng mạnh từ tháng 11 khi bất ổn tăng cao xuất phát từ cuộc bầu cử Tổng thống tại Mỹ, lãi suất qua đêm liên ngân hàng trong Quý 4 năm 2017 ổn định, dao động quanh mức 50-60 điểm phần trăm. M2 cả năm tăng 16,0%, ngân hàng nhà nước mua ròng khoảng 13,0 tỷ đô la Mỹ đã giúp thanh khoản tiền đồng dồi dào trong hệ thống ngân hàng. Kinh tế vĩ mô tăng trưởng, ổn định trong khi thị trường chứng khoán tăng trưởng trong thời gian dài cũng khuyến khích nhà đầu tư cả trong nước và nước ngoài rót tiền vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Ở phía cung, vốn hóa thị trường của HSX đã tăng 75,2% trong năm 2017, từ 65,5 tỷ đô la Mỹ vào đầu năm lên 115,0 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm 2017. Ngoài giá tăng, bốn cổ phiếu có vốn hóa trên 1,0 tỷ đô la Mỹ niêm yết mới trên sàn HSX, con số kỷ lục kể từ khi thành lập thị trường chứng khoán, cũng giúp tăng quy mô thị trường trong năm 2017. Số lượng cổ phiếu có vốn hóa trên 1,0 tỷ đô la Mỹ trên HSX vào cuối năm đã đạt 21 cổ phiếu so với chỉ 14 cổ phiếu vào đầu năm, chưa kể đã có một cổ phiếu tỷ đô trên sàn HNX do tăng giá và ba cổ phiếu tỷ đô đăng ký giao dịch mới trên sàn Upcom. Yêu cầu bắt buộc các công ty đại chúng phải niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trước 31/12/2017 và cổ phần hóa gắn liền với niêm yết, đăng ký giao dịch cũng giúp số lượng công ty niêm yết trên cả hai sàn chứng khoán chính thức HSX & HNX tăng thêm 32 công ty. Đặc biệt ấn tượng là số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom đã tăng kỷ lục, thêm 371 công ty, so với chỉ 319 công ty vào đầu năm. Nhiều cổ phiếu mới niêm yết một mặt giúp tạo hứng khởi cho nhà đầu tư trong nước, một mặt giúp quy mô, thanh khoản thị trường tăng và nhà đầu tư nước ngoài quan tâm hơn đến thị trường Việt Nam.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

1. Thị trường cổ phiếu (tiếp theo)

b. Thanh khoản và quy mô thị trường tăng mạnh (tiếp theo)

Năm 2017 cũng đánh dấu sự ra đời của thị trường chứng khoán phái sinh tại Việt Nam với sản phẩm đầu tiên là các Hợp đồng tương lai chỉ số VN30. Khai trương vào ngày 10 tháng 8 năm 2017, chỉ sau hơn 4 tháng, khối lượng giao dịch đã đạt hơn 1,1 triệu hợp đồng và giá trị giao dịch danh nghĩa đạt hơn 96 nghìn tỷ đồng.

c. Các cổ phiếu có vốn hóa lớn là động lực thúc đẩy thị trường trong năm 2017

VN30, chỉ số bao gồm 30 cổ phiếu có vốn hóa cao nhất HSX tăng 55,3%, VN100, chỉ số bao gồm 100 công ty có vốn hóa cao nhất HSX tăng 51,3% trong khi chỉ số đo lường biến động của tất cả các công ty trên sàn HSX, VNIndex chỉ tăng 48,0% trong năm 2017. Top 5 cổ phiếu đóng góp nhiều nhất trong các chỉ số lần lượt đóng góp 50,0% số điểm tăng của VNIndex, 54,9% của VN100 và 60,0% của VN30. Các cổ phiếu đóng góp lớn nhất trong các Index bao gồm Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM), Tập đoàn Vingroup (VIC), Tổng Công ty Khí Việt Nam (GAS), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID), Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG), Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN) và Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB).

d. Khối ngoại mua ròng cao nhất kể từ năm 2007

Trái ngược với mức bán ròng khoảng 350 triệu đô la Mỹ trong năm 2016, khối ngoại đã mua ròng gần 1,1 tỷ đô la Mỹ trên HSX, tập trung vào các cổ phiếu có vốn hóa lớn và mua ròng nhiều nhất vào Quý 4/2017. Khối ngoại mua ròng gần 480 triệu đô la Mỹ trong Quý 4/2017 chủ yếu nhờ giao dịch mua ròng khoảng 230 triệu đô la Mỹ cổ phần Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE) và khoảng 118 triệu đô la Mỹ cổ phần của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM) trong tháng 11 năm 2017. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại VNM đã tăng từ 53,1% vào đầu năm lên gần 60,0% vào cuối năm 2017. Khoản mua ròng 1,1 tỷ đô la Mỹ chưa bao gồm khoản hơn 4,8 tỷ đô la Mỹ công ty Thai Beverage, một công ty của Thái Lan, thông qua công ty liên doanh Vietnam Beverage đã bỏ ra để mua 53,59% cổ phần tại Tổng Công ty Cổ phần Bía – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SAB) vào ngày 18/12/2017, đã hoàn thành thanh toán ngày 28/12/2017, được thực hiện ngoài sàn. Giao dịch SAB là giao dịch lớn nhất từ trước đến nay tại Việt Nam và lớn nhất Đông Nam Á trong vòng 3 năm trở lại đây.

e. Thành công của thương vụ thoái vốn nhà nước tại VNM & SAB tạo hứng khởi cho thị trường

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) đã bán thành công 3,33% sở hữu tại VNM vào ngày 10/11/2017 với giá 186.000 đồng/cổ phần, cao hơn 31,0% so với giá bán trong lần thoái vốn trước. Việc SCIC thoái vốn thành công và khối ngoại liên tục nâng sở hữu VNM trong năm 2017 đã giúp giá VNM tăng 40,8%, đóng góp 18,5% vào số điểm tăng của VNIndex trong Quý 4 và tăng 71,7%, đóng góp 15,8% vào số điểm tăng của VNIndex trong năm 2017.

Bộ Công thương đã bán thành công 53,59% cổ phần tại SAB với giá 320,000 VNĐ/cổ phần, tương đương với mức định giá PE2017 đạt khoảng 44 lần, cao hơn trên 120% so với PE của VNIndex, và cao hơn trên 50% so với PE của VNM, mức giá được cho là để trả cho quyền kiểm soát tại công ty chiếm trên 40% thị trường bia của Việt Nam. Cổ phiếu SAB nhờ đó đã tăng tới gần 67% đến ngày 5/12/2017 tính từ đầu năm, đóng góp 11,2% vào VNIndex đến thời điểm đó, trước khi giảm 24,5% đến cuối năm 2017.

Thông tin nhà nước thoái vốn cũng giúp hỗ trợ giá cổ phiếu ở một số công ty như Công ty CP Xuất nhập khẩu Y tế Domesco (HSX: DMC), Công ty CP Pin Ấc quy Miền Nam (HSX: PAC), TCT cổ phần Bảo Minh (HSX: BMI), Công ty CP Nhựa Bình Minh (HSX: BMP), Công ty CP PVI (HNX: PVI).

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

1. Thị trường cổ phiếu (tiếp theo)

- f. *Cổ phiếu ngân hàng, vốn được coi là “Cổ phiếu Vua” trong các thị trường tăng trưởng, có mức tăng ấn tượng trong năm 2017*

Trong 10 cổ phiếu đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng của VNIndex có tới 03 cổ phiếu ngân hàng, đóng góp tới 18,8% vào số điểm tăng của VNIndex trong năm 2017. Cổ phiếu của cả ba ngân hàng có vốn nhà nước niêm yết trên sàn đều tăng ấn tượng từ 56,5% (VCB) đến 85,3% (BID). Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB), mặc dù không góp mặt trong top 10 cổ phiếu đóng góp lớn nhất vào VNIndex do chỉ chiếm tỷ trọng 1,58% VNIndex vào đầu năm cũng tăng tới 98,6%. Ngành ngân hàng nhờ đó đã tăng 61,2%, nằm trong số các ngành có lợi nhuận cao nhất trong năm 2017. Lợi nhuận tăng trưởng ấn tượng nhờ tăng trưởng tín dụng, tăng trưởng phí và giảm chi phí dự phòng, thoái các khoản đầu tư tại một số ngân hàng đã đẩy giá cổ phiếu các ngân hàng tăng cao. Với đà tăng ấn tượng của các cổ phiếu ngành ngân hàng niêm yết, một loạt các ngân hàng đã lên niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trong năm 2017 và có kế hoạch niêm yết trong năm 2018 như Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (đã niêm yết trên HSX vào 13/10/2017), Ngân hàng TMCP Liên Việt PostBank (đã giao dịch trên Upcom từ ngày 5/10/2017), Ngân hàng HDBank (niêm yết trên HSX vào ngày 5/1/2018), Ngân hàng TMCP Tiên Phong (nộp hồ sơ niêm yết vào ngày 29/12/2017)...

Các ngành Du lịch và Giải trí, Dịch vụ Tài chính, Bán lẻ, Công nghệ và Bất động sản là những ngành có mức tăng trưởng cao nhất trong năm 2017. Các ngành này đều được dẫn dắt bởi các cổ phiếu vốn hóa lớn. VJC tăng tới 148,8%, giúp ngành Du lịch và giải trí tăng 111,2%, MSN tăng 85,9% giúp ngành Dịch vụ tài chính tăng 65,5%, MWG tăng 69,3% giúp ngành Công nghệ tăng 62,1% hay VIC tăng 84,1% giúp ngành Bất động sản tăng 62,4% trong năm 2017. Đối với ngành Dịch vụ tài chính, ngoài sự hỗ trợ của MSN, thị trường chứng khoán tăng mạnh cùng với khối lượng giao dịch tăng và các giao dịch thoái vốn nhà nước với giá trị cao được kỳ vọng sẽ thúc đẩy lợi nhuận các công ty chứng khoán, giúp giá cổ phiếu của phân ngành dịch vụ đầu tư tăng 26,9% trong Quý 4 và tăng 66,4% trong cả năm 2017.

g. Lợi nhuận doanh nghiệp khả quan

Lợi nhuận 12 tháng gần nhất của các công ty trong VNIndex ước tính tăng trưởng 19,7% so với cùng kỳ năm trước. Do đó, mặc dù thị trường tăng trưởng 48,0%, mức định giá thị trường PE chỉ tăng 23,7% từ 15,6 lần lên 19,3 lần. Các ngành có liên quan đến tiêu dùng đều tăng trưởng mạnh như Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Hàng hóa Tiêu dùng, Dịch vụ Tiêu dùng, Bán lẻ và Du lịch và Giải trí. Kinh tế tăng trưởng và lạm phát ổn định ở mức thấp đã giúp tiêu dùng tăng mạnh, giúp lợi nhuận các công ty trong các ngành này tăng trưởng.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

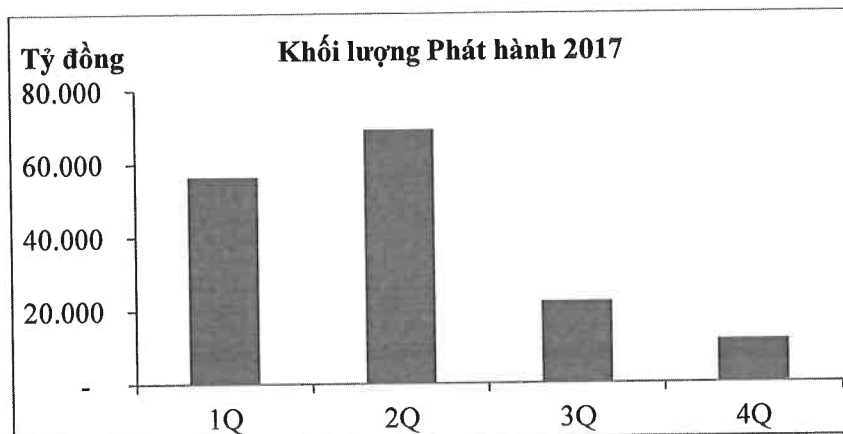
BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

2. Thị trường trái phiếu

a. Thị trường trái phiếu Chính phủ sôi động trong hai quý đầu năm và trầm lắng dần về cuối năm

Tổng cộng 159,9 nghìn tỷ trái phiếu Chính phủ được phát hành trong năm 2017, hoàn thành 87,2% kế hoạch phát hành đưa ra đầu năm. Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn dài (15 năm trở lên) chiếm 43,0% tổng phát hành, so với 21,0% của năm 2016.



Kỳ hạn	Kế hoạch Phát hành 2017 (Tỷ đồng)	Khối lượng Phát hành 2017 (Tỷ đồng)	Phát hành/Kế hoạch %
3 năm và ngắn hơn	28,000	-	
5 năm	80,300	37,344	46.5%
7 năm	25,000	34,664	138.7%
10 năm	5,000	19,716	394.3%
15 năm	20,000	21,459	107.3%
20 năm	10,000	18,899	189.0%
30 năm	15,000	27,838	185.6%
Tổng	183,300	159,921	87.2%

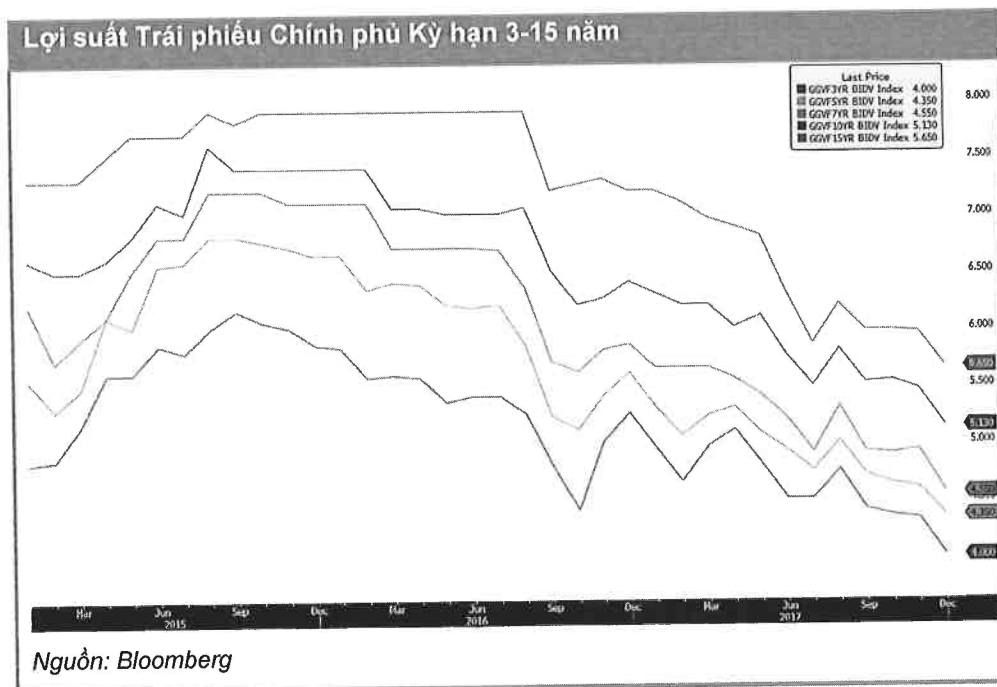
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

2. Thị trường trái phiếu (tiếp theo)

b. Lợi suất giảm ở tất cả các kỳ hạn, mạnh nhất ở các kỳ hạn 20 năm và 30 năm



Trong năm 2017, lợi suất của tất cả các kỳ hạn đều giảm mạnh, đạt mức thấp nhất kể từ năm 2009. Các trái phiếu 10 năm và ngắn hơn có mức sụt giảm lợi suất khoảng 100 điểm, trái phiếu 15 năm lợi suất giảm khoảng 160 điểm, trong khi các trái phiếu có kỳ hạn dài 20 năm và 30 năm ghi nhận mức sụt giảm lợi suất tới 188 điểm.

Mức suy giảm lợi suất lớn năm 2017 có thể được giải thích bởi các yếu tố sau:

- Các ngân hàng thanh khoản dồi dào do (i) bảng cân đối kế toán được cải thiện và (ii) Ngân hàng Nhà nước tiếp tục mua đô la Mỹ để tăng dự trữ ngoại hối (ước tính khoảng 13 tỷ đô la Mỹ năm 2017).
- Các nhà đầu tư không phải là công ty bảo hiểm (ngân hàng và công ty quản lý tài sản) cũng đã tích cực tham gia đấu thầu trái phiếu Chính phủ kỳ hạn dài 20 năm và 30 năm, do sự chênh lệch lớn về lợi suất.
- Việc giải ngân chậm vốn trái phiếu đã huy động và kiểm soát tốt hơn thâm hụt ngân sách khiến KBNN không chịu áp lực hoàn thành kế hoạch phát hành, và do đó không chế lợi suất trúng thầu ở mức thấp.

Việc thoái vốn thành công tại Vinamilk và Sabeco trong quý cuối năm 2017 đã mang về cho ngân sách 5,2 tỷ đô la Mỹ, làm tăng thanh khoản cho ngân sách Chính phủ và do đó tăng thanh khoản toàn thị trường. Lợi suất trái phiếu Chính phủ do đó sẽ tiếp tục xu hướng giảm trong Quý 1/2018. Lợi suất trái phiếu các kỳ hạn ngắn, giảm ít hơn trong năm 2017, sẽ chịu áp lực giảm trước, sau đó là lợi suất của các kỳ hạn dài khi chênh lệch lợi suất giữa các kỳ hạn nới rộng. Khối lượng trái phiếu Chính phủ đáo hạn trong năm 2018 (63,3 nghìn tỷ đồng, trong đó 26,6 nghìn tỷ đồng đáo hạn trong Quý 1/2018) thấp hơn tương đối khối lượng đáo hạn trong năm 2017 (98,5 nghìn tỷ) cũng sẽ tạo thêm áp lực giảm lợi suất trái phiếu Chính phủ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

2. Thị trường trái phiếu (tiếp theo)

c. Thị trường thứ cấp sôi động trong năm 2017 với sự dịch chuyển sang các kỳ hạn dài

Giá trị giao dịch trên thị trường thứ cấp (không bao gồm giao dịch repo) trong năm 2017 đạt 1,1 triệu tỷ đồng, tăng 15,2% so với năm 2016. Giá trị bình quân một phiên đạt 4.513 tỷ đồng. Tỷ trọng giao dịch tiếp tục có xu hướng tăng lên ở các kỳ hạn dài. Trong năm 2016, giao dịch kỳ hạn trên 5 năm chỉ chiếm 16,3% toàn thị trường thì trong năm 2017, tỷ trọng kỳ hạn này đã chiếm đến 36,1% tổng giá trị giao dịch. Nguyên nhân chính là do lợi suất trái phiếu trong năm 2017 tiếp tục đã giảm mạnh, các nhà đầu tư đặc biệt là khối ngân hàng thương mại dịch chuyển sang các kỳ hạn dài, đặc biệt với các kỳ hạn trên 15 năm để hưởng lợi suất cao. Tuy nhiên, xét tổng thể, kỳ hạn 3-5 năm tiếp tục là kỳ hạn có tỷ trọng giao dịch lớn nhất, chiếm 17,7% giao dịch toàn thị trường. Khối ngoại đã thực hiện mua trên 78 ngàn tỷ đồng và bán trên 57 ngàn tỷ đồng, chiếm 5,9% giá trị giao dịch outright. Tính chung khối ngoại đã mua ròng hơn 20 ngàn tỷ đồng (~880 triệu đô la Mỹ) trong năm 2017.

d. Chính phủ dự kiến huy động 200 ngàn tỷ đồng trái phiếu trong năm 2018

KBNN có kế hoạch phát hành 200 ngàn tỷ đồng trong năm 2018. Tuy nhiên, với thanh khoản dồi dào nhờ các hoạt động thoái vốn thành công năm 2017, tiếp tục các hoạt động thoái vốn và các đợt chào bán ra công chúng lớn năm 2018, KBNN sẽ không chịu nhiều áp lực trong việc hoàn thành kế hoạch phát hành nhằm duy trì lãi suất thấp hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

3. Nhận định của công ty quản lý quỹ

Các động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế trong năm 2017 là ngành công nghiệp chế biến chế tạo, ngành dịch vụ sẽ tiếp tục duy trì trong năm 2018. FDI, khối đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng của ngành công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục có mức đăng ký cao kỷ lục như đã đề cập ở phần Cập nhật kinh tế vĩ mô. Niềm tin tiêu dùng của người Việt Nam đạt mức cao nhất 5 năm trong Quý 2/2017, ở mức 117, mức cao thứ 5 trên thế giới cho thấy khối bán buôn, bán lẻ, vốn chiếm 25,9% của khu vực dịch vụ sẽ tiếp tục tăng trưởng trong năm 2018. Ngành du lịch sẽ đóng vai trò ngày càng lớn trong việc dẫn dắt sự phát triển của khu vực dịch vụ nhờ các chính sách thúc đẩy ngành của Chính phủ, như chính sách nới lỏng visa. Các lễ hội đặc sắc tổ chức tại từng vùng miền cùng các sáng kiến thu hút khách hàng của khối doanh nghiệp tư nhân trong lĩnh vực du lịch sẽ tiếp tục hỗ trợ ngành này. Mặc dù số lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng 29,1%, số lượng khách quốc tế mới chỉ đạt 12,9 triệu lượt khách trong năm 2017, một con số vẫn còn khiêm tốn so với trên 35 triệu lượt khách đến Thái Lan. Khách du lịch từ Trung Quốc, chiếm tới 31,0 % số lượng khách quốc tế đến Việt Nam năm 2017 nhưng mới chỉ đạt 4 triệu lượt khách, so với con số ước tính 135 triệu lượt khách Trung Quốc đi du lịch ở nước ngoài cho thấy tiềm năng tăng trưởng của ngành du lịch Việt Nam còn rất lớn.

Nền kinh tế thế giới đã và đang hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Hầu hết các tổ chức khi cung cấp dự báo triển vọng kinh tế thế giới 2018 đều cho rằng đã tăng trưởng kinh tế, vốn giúp tăng trưởng kinh tế thế giới vượt dự báo năm 2017 sẽ tiếp tục được duy trì trong năm 2018. Mặc dù khó lập lại con số tăng trưởng xuất khẩu trên 21%, giá trị xuất khẩu và thặng dư thương mại sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao do vốn FDI giải ngân rất cao trong năm 2017. Có tới 75% số người được hỏi trong buổi tọa đàm về kinh tế tổ chức bởi Bizlive và VTV24, trong đó có rất nhiều chuyên gia kinh tế đầu ngành, cho rằng tăng trưởng GDP năm 2018 có thể vượt mức cao trong mục tiêu của Chính phủ là 6,7%.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

3. Nhận định của công ty quản lý quỹ (tiếp theo)

Với thành công vượt bậc trong thoái vốn nhà nước tại VNM và SAB, Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước trong năm 2018. Ngay trong tháng 1 năm 2018, có tới ba doanh nghiệp lớn thuộc Tập đoàn dầu khí Việt Nam PVN sẽ tổ chức đấu giá để cổ phần hóa doanh nghiệp là Tổng công ty lọc hóa dầu Bình Sơn, Tổng công ty điện lực dầu khí PetroVietnam và Tổng công ty dầu PetroVietnam. Một loạt các công ty lớn cũng trong danh sách thoái vốn của Chính phủ như Tổng công ty cảng hàng không (Upcom: ACV), Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (HSX: PLX), Tổng công ty hàng không Việt Nam (Upcom: HVN)... Thúc đẩy sở hữu tư nhân trong các doanh nghiệp nhà nước hàng đầu của Việt Nam sẽ là một cú huých lớn giúp cải thiện hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, hiệu quả sử dụng các nguồn lực hạn chế của đất nước, và nhờ đó giúp thúc đẩy tăng trưởng GDP trong dài hạn. Nguồn thu từ thoái vốn nhà nước nếu sử dụng hiệu quả cho các công trình cơ sở hạ tầng trọng điểm cũng tạo hiệu ứng lan tỏa cho nền kinh tế trong dài hạn.

Trong khi đó, mức độ quan tâm đối với thị trường chứng khoán tiếp tục tăng cao, cả từ nhà đầu tư trong nước lẫn nhà đầu tư nước ngoài sẽ tiếp tục là trụ đỡ cho thị trường chứng khoán trong năm 2018.

Chúng tôi sẽ vẫn tiếp tục theo dõi các yếu tố lạm phát, lãi suất, tỷ giá, thâm hụt ngân sách, chính sách thương mại của Mỹ, vốn là các quan ngại chủ yếu chúng tôi đã đề cập nhiều lần trong các báo cáo trước. Điểm tích cực là Ngân hàng Nhà nước đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng chỉ 17,0% trong năm 2018, thấp hơn mức 18,13% của năm 2017 cho thấy ổn định kinh tế vẫn đang được chú trọng và Ngân hàng nhà nước cũng khá thận trọng. Hiệu quả sử dụng của số tiền thu được từ cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước cũng sẽ được theo dõi vì nếu sử dụng không hiệu quả, đây chính là rủi ro tiềm ẩn cho lạm phát và bong bóng tài sản trong trung hạn. Tăng thuế VAT từ 10% lên 11% từ 1 tháng 1 năm 2019 cũng là các nhân tố tiềm ẩn cần theo dõi đối với lạm phát và sức cầu trong trung hạn.

Về mặt định giá, VNIndex không còn rẻ so với thị trường trong khu vực, và cũng cao hơn so với mức trung bình của thị trường từ khi thành lập (PE15,8x, PB2,4x) cho thấy rủi ro của thị trường đang tăng lên. Tuy vậy, mức định giá cao này vẫn tập trung chủ yếu ở các cổ phiếu có vốn hóa lớn vì mức PE trung vị của cả HSX và HNX chỉ cao hơn phân nửa PE của VNIndex một chút, như theo bảng dưới đây. Vì vậy thị trường vẫn có các cổ phiếu với mức định giá hấp dẫn. Như thường lệ, chúng tôi sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội định giá hấp dẫn tại các công ty có yếu tố cơ bản tốt và được quản lý bài bản để tăng tỷ trọng cổ phiếu cho cả hai quỹ, VCBF-BCF & VCBF-TBF cũng như tái cơ cấu danh mục.

Định giá thị trường chứng khoán Việt Nam so với một số thị trường mới nổi khác						
Nước	Chỉ số	Dự báo 2018	12 tháng gần nhất			Quý trước
		Tăng trưởng GDP (%)	ROE (%)	EV/EBITDA	PE	PB
Trung Quốc	SHCOMP Index	6.5	11.0	13.8x	17.2x	1.8x
Thái Lan	SET Index	3.7	11.6	10.8x	17.4x	2.1x
Malaysia	FBMKLCI Index	5.3	10.7	9.5x	16.5x	1.7x
Indonesia	JCI Index	5.3	11.4	12.0x	23.0x	2.5x
Ấn Độ	MXIN Index	6.7	13.9	13.7x	23.7x	3.1x
Brazil	IBX Index	0.6	8.9	9.1x	20.1x	1.9x
Philippin	PCOMP Index	6.6	11.6	13.5x	23.6x	2.6x
Việt Nam	VNIndex	6.6	14.8	14.1x	20.0x	2.9x
Việt Nam	Toàn bộ thị trường - Trung vị		9.6	7.5x	10.7x	1.0x

Nguồn: Bloomberg tại ngày 04/01/2018

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban Giám đốc Công ty quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Nguyễn Văn Quang Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF ("Quỹ"). Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, với sự hiểu biết của chúng tôi, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Vũ Hương Giang

Phó Phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Trương Thị Hoàng Yến

Nhân viên Bộ phận Giám sát

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Phạm Hưng, Me Tri Ward,
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 24) 3936 8000
Fax: (84 24) 3837 8356
Swift: SCBLVNVX

Here for good

Số tham chiếu: 61141024/19450293

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF (“Quỹ”) được lập ngày 22 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 24 đến trang 71, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1841-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2018

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		57.150.644.557	18.769.570.315
02	1.1 Cổ tức được chia	15	6.641.045.300	3.683.871.696
03	1.2 Tiền lãi được nhận	16	3.916.893.290	2.405.857.149
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	17	5.633.646.027	14.069.069.195
05	1.4 Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	18	40.959.059.940	(1.389.227.725)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		108.480.870	124.585.565
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	19	108.480.870	124.585.565
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		4.046.164.254	3.070.932.967
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	28.1	2.916.413.445	1.870.423.285
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	28.2	273.205.099	313.126.220
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	28.2	214.500.000	244.200.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	28.2	178.200.000	86.467.233
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		132.000.000	134.869.740
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		63.758.740	20.171.209
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		132.000.000	132.000.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	20	136.086.970	269.675.280
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		52.995.999.433	15.574.051.783
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		166.319.393	90.383.282
24.1	5.1 Thu nhập khác	22	166.319.393	90.383.282
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		53.162.318.826	15.664.435.065
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		12.203.258.886	17.053.662.790
32	6.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	18	40.959.059.940	(1.389.227.725)
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		53.162.318.826	15.664.435.065

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	16.087.472.287	11.451.433.179
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		7.862.212.593	4.820.069.349
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		8.225.259.694	6.631.363.830
120	2. Các khoản đầu tư thuần	5	237.097.680.166	141.123.571.415
121	2.1 Các khoản đầu tư		237.097.680.166	141.123.571.415
	2.1a Cổ phiếu niêm yết		180.363.866.650	101.395.211.850
	2.1b Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		46.654.538.316	39.234.359.565
	2.1c Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết		10.079.275.200	-
	2.1d Quyền mua chứng khoán		-	494.000.000
130	3. Các khoản phải thu	6	2.581.232.763	1.589.380.255
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư		-	575.136.000
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		2.581.232.763	1.014.244.255
136	3.2a Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		2.581.232.763	1.014.244.255
100	TỔNG TÀI SẢN		255.766.385.216	154.164.384.849
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	7	1.327.948.940	1.346.116.150
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	8	308.660.408	307.537.268
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		2.891.120	3.593.660
316	4. Chi phí phải trả	9	76.000.000	93.000.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	10	1.711.014.000	317.200.885
318	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	11	145.645.336	124.494.491
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	12	442.307.911	290.753.632
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		4.014.467.715	2.482.696.086
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (III=I-II)		251.751.917.501	151.681.688.763
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		127.139.165.400	100.596.470.300
412	1.1 Vốn góp phát hành	13	172.509.330.400	126.995.023.000
413	1.2 Vốn góp mua lại	13	(45.370.165.000)	(26.398.552.700)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	13	35.141.231.365	14.776.016.553
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	14	89.471.520.736	36.309.201.910
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ (IV=(I-II)/III)	13	19.801,28	15.078,23

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
004	1. Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	13	12.713.916,54	10.059.647,03



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2018

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

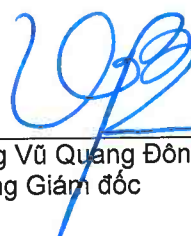
BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm	151.681.688.763	91.403.643.028
II	Thay đổi NAV so với năm trước	53.162.318.826	15.664.435.065
	<i>II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm</i>	53.162.318.826	15.664.435.065
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ	46.907.909.912	44.613.610.670
	<i>III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ</i>	80.034.597.937	57.585.580.107
	<i>III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ</i>	(33.126.688.025)	(12.971.969.437)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm	251.751.917.501	151.681.688.763



Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2018

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
I	Cổ phiếu niêm yết			180.363.866.650	70,52%
1	ACB	156.000	36.900	5.756.400.000	2,25%
2	ACV	4.000	108.500	434.000.000	0,17%
3	BCC	282.000	7.600	2.143.200.000	0,84%
4	BMP	7.200	85.600	616.320.000	0,24%
5	CAV	26.000	52.000	1.352.000.000	0,53%
6	CTG	232.000	24.200	5.614.400.000	2,20%
7	DGC	124.323	32.800	4.077.794.400	1,59%
8	DHG	54.614	115.000	6.280.610.000	2,46%
9	DPR	100.680	39.000	3.926.520.000	1,54%
10	DRC	184.300	24.200	4.460.060.000	1,74%
11	FOX	48.600	74.500	3.620.700.000	1,42%
12	FPT	180.552	57.100	10.309.519.200	4,03%
13	GAS	17.540	97.400	1.708.396.000	0,67%
14	HCM	125.000	60.100	7.512.500.000	2,94%
15	HDG	100.517	34.300	3.447.733.100	1,35%
16	IMP	590	66.000	38.940.000	0,02%
17	LTG	86.800	45.300	3.932.040.000	1,54%
18	MBB	520.270	25.400	13.214.858.000	5,17%
19	NCT	97.920	113.800	11.143.296.000	4,36%
20	NNG	82.300	6.300	518.490.000	0,20%
21	NSC	45.770	108.300	4.956.891.000	1,94%
22	NT2	55.120	33.500	1.846.520.000	0,72%
23	PAC	38.200	48.550	1.854.610.000	0,73%
24	PET	213.000	11.800	2.513.400.000	0,98%
25	PGC	239.100	15.700	3.753.870.000	1,47%
26	PLC	76.100	25.000	1.902.500.000	0,74%
27	PNJ	2	137.000	274.000	0,00%
28	PTI	26.700	23.800	635.460.000	0,25%
29	PVD	5	23.350	116.750	0,00%
30	PVS	383.500	23.600	9.050.600.000	3,54%
31	PVT	192.100	18.850	3.621.085.000	1,42%
32	QNS	75.300	54.400	4.096.320.000	1,60%
33	SAS	7.300	29.600	216.080.000	0,08%
34	SVC	16.500	49.800	821.700.000	0,31%
35	SVI	77.268	45.700	3.531.147.600	1,38%
36	TCL	79.000	27.400	2.164.600.000	0,85%
37	TCM	245.834	28.550	7.018.560.700	2,74%
38	TMS	60.790	45.000	2.735.550.000	1,07%
39	TRA	2	117.000	234.000	0,00%
40	VHC	20.475	53.300	1.091.317.500	0,42%
41	VIT	108.030	18.000	1.944.540.000	0,75%
42	VNM	118.909	208.600	24.804.417.400	9,70%
43	VNR	104.500	22.800	2.382.600.000	0,93%
44	VNS	107.240	15.450	1.656.858.000	0,65%
45	VSC	178.066	43.000	7.656.838.000	2,99%

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
II	Trái phiếu			10.079.275.200	3,94%
1	Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	100	100.792.752	10.079.275.200	3,94%
III	Các tài sản khác		2.581.232.763	2.581.232.763	1,01%
1	Cổ tức, trái tức được nhận		513.433.936	513.433.936	0,20%
2	Phải thu lãi tiền gửi		2.067.798.827	2.067.798.827	0,81%
IV	Tiền		62.742.010.603	62.742.010.603	24,53%
1	Tiền gửi ngân hàng		7.862.212.593	7.862.212.593	3,07%
2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng		8.225.259.694	8.225.259.694	3,22%
3	Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng		46.654.538.316	46.654.538.316	18,24%
V	Tổng giá trị danh mục			255.766.385.216	100,00%



Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
 Trưởng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2018

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp		53.162.318.826	15.664.435.065
02	Điều chỉnh cho các khoản giảm/(tăng) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(40.949.059.940)	1.345.227.725
03	(Lãi)/lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	18	(40.959.059.940)	1.389.227.725
04	Chi phí trích trước		10.000.000	(44.000.000)
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		12.213.258.886	17.009.662.790
20	Tăng các khoản đầu tư		(55.015.048.811)	(57.640.147.840)
06	Giảm/(tăng) phải thu bán chứng khoán đầu tư		575.136.000	(575.136.000)
07	(Tăng)/giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(1.566.988.508)	496.587.536
10	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(18.167.210)	1.346.116.150
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		1.123.140	243.750.532
13	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(702.540)	(4.443.371)
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		1.393.813.115	257.067.685
15	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		21.150.845	93.162.356
16	Giảm phải trả, phải nộp khác		(27.000.000)	-
17	Tăng/(giảm) phải trả Dịch vụ quản lý Quỹ mở		151.554.279	(423.495)
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(42.271.870.804)	(38.773.803.657)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ	13	80.034.597.937	57.585.580.107
32	2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ	13	(33.126.688.025)	(12.971.969.437)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		46.907.909.912	44.613.610.670
40	III. Tăng tiền thuần trong năm		4.636.039.108	5.839.807.013
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	11.451.433.179	5.611.626.166
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		11.451.433.179	5.611.626.166
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		11.009.737.803	5.546.492.966
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng		6.631.363.830	2.000.000.000
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		4.378.373.973	3.546.492.966
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ quỹ		441.695.376	65.133.200

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	16.087.472.287	11.451.433.179
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		16.087.472.287	11.451.433.179
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		14.230.812.951	11.009.737.803
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng		8.225.259.694	6.631.363.830
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		6.005.553.257	4.378.373.973
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ quỹ		1.856.659.336	441.695.376
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		4.636.039.108	5.839.807.013



Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Bà Võ Thị Thùy Linh
 Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2018

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

Công ty quản lý quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Ngân hàng giám sát và lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) với chức năng là lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 đồng, chiếm 120,85% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 127.139.165.400 đồng, tương đương với 12.713.916,54 chứng chỉ quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với UBCKNN.

Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên, từ cơ sở phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục đầu tư.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hàng tuần vào ngày thứ Tư. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày định giá sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành, đồng thời phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại Ngân hàng Giám sát, tổng giá trị các khoản đầu tư vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và ngoại tệ; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng không được vượt quá bốn mươi chín phần trăm (49%) của tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- b) Tổng giá trị các khoản đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành bởi của một tổ chức (bao gồm công cụ thị trường tiền tệ, công cụ chuyển nhượng, chứng khoán) có giá trị từ năm phần trăm (5%) trở lên trên tổng giá trị tài sản của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- c) Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, ngoại tệ; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch; trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật, không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chứng khoán phái sinh niêm yết theo quy định của pháp luật, giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau không được vượt quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- d) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào tất cả các chứng khoán bao gồm các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (không bao gồm trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi một tổ chức không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- e) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào chứng khoán (trừ trái phiếu Chính phủ) của một tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- f) Tổng giá trị trái phiếu và cổ phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc chuẩn bị đăng ký giao dịch trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày Quỹ đầu tư của các tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam và trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g) Tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và
- h) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Quỹ sẽ không thực hiện đầu tư vào:

- a) Đơn vị quỹ của các quỹ đầu tư hoặc cổ phần của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- b) Trực tiếp nắm giữ bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hóa.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra ở trên, ngoại trừ điểm (g) và chỉ vì các lý do sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- c) Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d) Các hoạt động hợp nhất, sáp nhập và thu tóm của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.4*).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả kinh doanh, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán được chấp nhận phổ biến ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam (VND) và báo cáo tài chính được trình bày bằng VND.

2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Thay đổi chính sách kế toán thuyết minh

Các chính sách kế toán của Quý sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quý, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quý bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quý phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu, trái phiếu này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	- Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá sạch từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. - Đối với trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, giá sẽ được tính theo phương pháp chiết khấu dòng tiền.
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá trị trung bình dựa trên báo giá của ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
8	Trái phiếu biến động bất thường	<ul style="list-style-type: none"> - Trong điều kiện bình thường, trái phiếu niêm yết được định giá theo mục 5 ở trên. - Trong trường hợp giá trái phiếu có biến động hơn $\pm 10\%$ khi so sánh với giá Reuters, sự biến động này được xem là biến động bất thường trong giá trái phiếu, phương pháp định giá được sử dụng theo thứ tự sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá sạch từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
9.	Cổ phiếu niêm yết đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), sử dụng một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
10.	Các tài sản được phép đầu tư, chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ các báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba tháng tính đến ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc - Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
13.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu – Giá phát hành quyền mua) x tỷ lệ chuyển đổi}

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quý chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quý chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Các khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ có thể được Quý mang đi thế chấp trong các giao dịch bán và cam kết mua lại trái phiếu Chính phủ.

3.5 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quý sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như phí quản lý, phí giám sát, phí lưu ký, phí quản trị Quý, phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quý chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn phát hành không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

3.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối niên độ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

3.6.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong năm. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong năm, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.9.1 Phí quản lý danh mục đầu tư

Phí quản lý danh mục đầu tư bao gồm Phí quản lý quỹ, Phí dịch vụ quản trị quỹ và Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 38/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2011 thì phí quản lý danh mục đầu tư mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của quỹ.

(i) Phí quản lý quỹ

Phí quản lý quỹ là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Phí quản lý quỹ được tính theo công thức như sau:

Phí quản lý quỹ = 1,5% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí

3.9.1 Phí quản lý danh mục đầu tư (tiếp theo)

(ii) Phí dịch vụ quản trị Quỹ

Phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% giá trị tài sản ròng một năm tính trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá (mức tối thiểu được miễn áp dụng trong vòng 6 tháng, các tháng sau đó tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Phí quản trị quỹ = 0,04% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong năm định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

(iii) Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng mỗi tháng cộng với 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch đối với các giao dịch trong tháng từ số 401 trở đi, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm để thực hiện dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng được tính theo công thức như sau:

Phí đại lý chuyển nhượng = 10.000.000 + 0,01% * Giá trị giao dịch trong tháng (từ giao dịch số 401 trở đi).

3.9.2 Phí giám sát

Phí giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá (mức tối thiểu là 11.000.000 đồng mỗi tháng áp dụng trong vòng 6 tháng được tính từ ngày có hiệu lực của bản Điều lệ, các tháng sau đó tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí giám sát được tính theo công thức sau:

Phí giám sát = 0,04% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

3.9.3 Phí lưu ký

Phí lưu ký là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá (mức tối thiểu là 11.000.000 đồng mỗi tháng áp dụng trong vòng 6 tháng được tính từ ngày có hiệu lực của bản Điều lệ, các tháng sau đó tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí lưu ký được tính theo công thức sau:

Phí lưu ký = 0,04% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

3.9.4 Phí giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giao dịch chứng khoán là 220.000 VND/giao dịch.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 08 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quý quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quý bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, chứng khoán được niêm yết và trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quý xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quý bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại Chứng chỉ quỹ, phải trả phí dịch vụ quản lý Quý.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.15 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tiền gửi tại ngân hàng giám sát và lưu ký cho hoạt động của Quỹ	6.005.553.257	4.378.373.973
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (Thuyết minh 6) (*)	8.225.259.694	6.631.363.830
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua/bán Chứng chỉ quỹ	1.856.659.336	441.695.376
	16.087.472.287	11.451.433.179

(*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận với lãi suất 5,5%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Giá mua VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại VND
Cổ phiếu niêm yết	131.067.292.122	180.363.866.650	49.296.574.528
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng (Thuyết minh 6)	46.654.538.316	46.654.538.316	-
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (*)	10.000.000.000	10.079.275.200	79.275.200
	187.721.830.438	237.097.680.166	49.375.849.728

(*) Khoản mục trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết là trái phiếu do Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn phát hành ngày 16 tháng 6 năm 2017, đáo hạn ngày 16 tháng 6 năm 2020, mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 3 năm, lãi suất kết hợp trả sau, xác định 6 tháng/lần.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Phải thu về bán các khoản đầu tư, dự thu cổ tức và tiền lãi các khoản đầu tư		
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 16) (i)	2.067.798.827	871.842.255
Dự thu cổ tức (Thuyết minh 15) (ii)	471.790.100	142.402.000
Dự thu tiền lãi trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (Thuyết minh 16)	41.643.836	-
Phải thu về bán các khoản đầu tư (iii)	-	575.136.000
	2.581.232.763	1.589.380.255

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

(i) Chi tiết dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Số tiền gốc VND	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Lãi dự thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng (Thuyết minh 4)	8.225.259.694			3.132.428
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	4.132.624.472	1	5,50%	631.373
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	4.092.635.222	1	5,50%	2.501.055
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng (Thuyết minh 5)	46.654.538.316			2.064.666.399
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	12.631.564.247	18	7,40%	218.105.009
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	10.709.593.664	18	7,40%	213.537.398
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	5.547.000.000	18	7,30%	589.399.567
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	5.524.980.198	18	7,30%	478.386.549
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	5.000.000.000	13	7,00%	94.305.556
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	4.083.566.667	18	7,30%	370.969.345
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	3.157.833.540	18	7,40%	99.962.975
	54.879.798.010			2.067.798.827

(ii) Chi tiết dự thu cổ tức như sau:

Mã chứng khoán	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
VNM	178.363.500	-
VNR	104.500.000	-
FOX	97.200.000	-
DHG	81.921.000	-
QNS	9.800.000	-
TRA	4.000	-
PNJ	1.600	-
HCM	-	62.500.000
GAS	-	40.342.000
NT2	-	27.560.000
BMP	-	12.000.000
	471.790.100	142.402.000

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

(iii) Chi tiết về bán các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

<u>Mã chứng khoán</u>	<u>Số dư cuối năm VND</u>	<u>Số dư đầu năm VND</u>
BMP	-	575.136.000
	-	575.136.000

7. PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

<u>Mã chứng khoán</u>	<u>Số dư cuối năm VND</u>	<u>Số dư đầu năm VND</u>
QNS	1.079.176.340	-
VSC	248.772.600	-
DGC	-	860.739.175
PVS	-	246.819.675
NSC	-	160.440.300
VIT	-	78.117.000
	1.327.948.940	1.346.116.150

8. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>Số dư cuối năm VND</u>	<u>Số dư đầu năm VND</u>
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	154.324.154	75.408.374
Phải trả cho các Đại lý phân phối	154.336.254	232.128.894
	308.660.408	307.537.268

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số dư cuối năm VND</u>	<u>Số dư đầu năm VND</u>
Phải trả chi phí kiểm toán	66.000.000	66.000.000
Phải trả chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	-	27.000.000
Trích trước phí quản lý thường niên	10.000.000	-
	76.000.000	93.000.000

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>Số dư cuối năm VND</u>	<u>Số dư đầu năm VND</u>
Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ hợp lệ chưa hoàn thành thủ tục xác nhận sở hữu Chứng chỉ quỹ	1.711.014.000	317.200.885

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

11. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<i>Số dư cuối năm</i> VND	<i>Số dư đầu năm</i> VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ hợp lệ chưa đến kỳ phân bổ Chứng chỉ quỹ	145.645.336	124.494.491

12. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

	<i>Số dư cuối năm</i> VND	<i>Số dư đầu năm</i> VND
Phải trả phí quản lý Quỹ	312.767.911	190.433.632
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	66.000.000	66.000.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	19.800.000	12.100.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	19.800.000	-
Phải trả phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	18.000.000	11.000.000
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	5.940.000	11.220.000
	442.307.911	290.753.632

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

13. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Số dư đầu năm VND</i>	<i>Phát sinh trong năm VND</i>	<i>Số dư cuối năm VND</i>
Vốn góp phát hành			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	12.699.502,30	4.551.430,74	17.250.933,04
Giá trị ghi theo mệnh giá	126.995.023.000	45.514.307.400	172.509.330.400
Thặng dư vốn	21.479.535.779	34.520.290.537	55.999.826.316
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	148.474.558.779	80.034.597.937	228.509.156.716
Vốn góp mua lại			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	(2.639.855,27)	(1.897.161,23)	(4.537.016,50)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(26.398.552.700)	(18.971.612.300)	(45.370.165.000)
Thặng dư vốn	(6.703.519.226)	(14.155.075.725)	(20.858.594.951)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(33.102.071.926)	(33.126.688.025)	(66.228.759.951)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	10.059.647,03	2.654.269,51	12.713.916,54
Giá trị vốn góp hiện hành	115.372.486.853	46.907.909.912	162.280.396.765
Lợi nhuận chưa phân phối	36.309.201.910	53.162.318.826	89.471.520.736
NAV hiện hành	151.681.688.763		251.751.917.501
NAV hiện hành trên 1 chứng chỉ quỹ	15.078,23		19.801,28

14. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lợi nhuận đã thực hiện	40.095.671.008	27.892.412.122
Lợi nhuận chưa thực hiện (<i>Thuyết minh 18</i>)	49.375.849.728	8.416.789.788
	89.471.520.736	36.309.201.910

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

15. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức thực nhận	6.169.255.200	3.541.469.696
Cổ tức dự thu (<i>Thuyết minh 6</i>)	471.790.100	142.402.000
	6.641.045.300	3.683.871.696

Chi tiết cổ tức thực nhận trong năm như sau:

<u>Mã chứng khoán</u>	Năm nay VND	Năm trước VND
NCT	625.920.000	44.000.000
DPR	503.400.000	377.345.000
VNM	457.636.000	492.048.000
FPT	337.554.000	202.704.000
VIT	332.400.000	78.150.000
VSC	312.848.000	114.434.000
MBB	297.297.600	-
BCC	282.000.000	-
SVI	270.438.000	164.436.000
PET	213.000.000	101.500.000
PVT	192.100.000	88.800.000
DHG	185.380.000	133.266.000
HCM	150.000.000	20.850.600
LTG	144.450.000	-
NT2	143.312.000	107.484.000
CAV	143.000.000	120.000.000
TCM	138.645.000	154.500.000
PVS	137.750.000	382.000.000
NSC	128.685.000	68.000.000
VNR	125.400.000	-
ANV	125.217.000	-
TCL	118.500.000	-
DRC	110.740.000	54.450.000
CTG	109.900.000	-
FCN	107.000.000	107.000.000
KDC	93.600.000	179.096.000
VNS	75.068.000	-
PLC	74.000.000	-
GAS	64.898.000	43.850.000
FOX	40.400.000	-
HDG	34.507.000	15.685.000
RAL	24.000.000	128.000.000
SVC	19.800.000	55.300.000
BMP	18.800.000	58.500.000
TMS	16.905.000	-
PGC	12.000.000	-
ACV	2.400.000	-
IMP	295.000	-
TRA	6.000	21.690.000
PNJ	3.600	36.304.000
VHC	-	100.587.096
CTD	-	33.000.000
SGN	-	23.250.000
VGC	-	20.240.000
MWG	-	15.000.000
	6.169.255.200	3.541.469.696

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

16. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lãi đã nhận trong năm	1.807.450.627	1.534.014.894
Tiền lãi từ trái phiếu	647.168.063	-
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	1.160.282.564	1.513.963.977
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	-	20.050.917
Tiền lãi dự thu đến cuối năm	2.109.442.663	871.842.255
Tiền lãi từ trái phiếu (Thuyết minh 6)	41.643.836	-
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 6)	2.067.798.827	871.842.255
	3.916.893.290	2.405.857.149

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, đối với tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng giám sát, lãi suất áp dụng là 0%/năm.

17. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay			
	Tổng giá trị bán trong năm VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong năm nay VND	Lãi bán chứng khoán trong năm trước VND
Cổ phiếu niêm yết	20.018.127.800	14.339.123.440	5.679.004.360	14.069.069.195
Trái phiếu doanh nghiệp	6.000.000.000	6.045.358.333	(45.358.333)	-
	26.018.127.800	20.384.481.773	5.633.646.027	14.069.069.195

18. CHÊNH LỆCH TĂNG/(GIẢM) ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Cổ phiếu niêm yết VND	Trái phiếu doanh nghiệp VND	Quyền mua cổ phiếu VND	Tổng cộng VND
Giá trị mua theo sổ kế toán	131.067.292.122	10.000.000.000	-	141.067.292.122
Giá thị trường	180.363.866.650	10.079.275.200	-	190.443.141.850
Chênh lệch đánh giá lại năm nay (Thuyết minh 5)	49.296.574.528	79.275.200	-	49.375.849.728
Chênh lệch đánh giá lại năm trước	7.922.789.788	-	494.000.000	8.416.789.788
Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán năm nay	41.373.784.740	79.275.200	(494.000.000)	40.959.059.940

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

19. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	78.453.682	80.319.691
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	30.027.188	44.265.874
	108.480.870	124.585.565

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (<i>Thuyết minh 28.1</i>)	120.000.000	120.000.000
Phí thường niên trả cho UBCKNN	10.000.000	10.000.000
Phí Ngân hàng	4.322.970	15.975.752
Chi phí tư vấn pháp lý	-	88.587.528
Chi phí quản lý dữ liệu	-	23.100.000
Chi phí khác	1.764.000	12.012.000
	136.086.970	269.675.280

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên (mã) các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong năm	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường	
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)/(5)(%)	(7)(%)	(8)(%)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Không liên quan	24.587.459.500	88.026.021.300	27,93%	0,15%	0,15%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	20.664.570.800	88.026.021.300	23,48%	0,15%	0,15%
3	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Có liên quan	14.707.490.000	88.026.021.300	16,71%	0,15%	0,15%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh	Không liên quan	13.249.917.500	88.026.021.300	15,05%	0,15%	0,15%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	4.816.583.500	88.026.021.300	5,47%	0,15%	0,15%
6	Giao dịch trên thị trường OTC	Không liên quan	10.000.000.000	88.026.021.300	11,36%	NA	NA
Tổng			88.026.021.300		100%		

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác thể hiện khoản phí thu từ việc các nhà đầu tư bán lại chứng chỉ quỹ.

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Kỳ tính NAV	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017		Tăng/(giảm) NAV/ICCQ
	NAV VND	Số lượng ICCQ tại ngày tính NAV VND	
Kỳ 1/Tháng 1	152.292.499.839	10.059.647,03	15.138,95
Kỳ 2/Tháng 1	153.505.529.745	10.072.784,92	15.239,63
Kỳ 3/Tháng 1	155.565.260.593	10.120.682,99	131,39
Kỳ 4/Tháng 1	156.766.804.010	10.180.739,35	27,35
Kỳ cuối/Tháng 1	158.477.238.291	10.257.774,11	51,10
Kỳ 1/Tháng 2	158.477.245.990	10.257.774,11	-
Kỳ 2/Tháng 2	160.940.844.180	10.259.994,24	236,78
Kỳ 3/Tháng 2	164.224.913.195	10.269.521,29	305,23
Kỳ 4/Tháng 2	167.069.701.925	10.356.101,55	141,00
Kỳ cuối/Tháng 2	165.800.404.138	10.337.402,99	(93,60)
Kỳ 1/Tháng 3	166.952.793.150	10.346.286,87	97,61
Kỳ 2/Tháng 3	162.455.165.604	10.076.708,40	(14,65)
Kỳ 3/Tháng 3	166.269.456.417	10.133.312,59	286,36
Kỳ 4/Tháng 3	166.432.889.637	10.137.704,75	9,01
Kỳ cuối/Tháng 3	167.649.496.926	10.134.648,61	125,00
Kỳ 1/Tháng 4	167.866.541.673	10.134.648,61	21,41
Kỳ 2/Tháng 4	168.268.929.211	10.141.771,35	28,05
Kỳ 3/Tháng 4	166.286.775.912	10.184.576,28	(264,36)
Kỳ 4/Tháng 4	165.314.050.846	10.131.114,48	(9,86)
Kỳ cuối/Tháng 4	169.912.617.087	10.183.706,96	367,30

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017			Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	NAV	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	
	VND		VND	VND
Kỳ 1/Tháng 5	169.911.647.456	10.183.706,96	16.684,65	(0,10)
Kỳ 2/Tháng 5	172.515.137.095	10.271.589,48	16.795,36	110,71
Kỳ 3/Tháng 5	175.181.182.475	10.310.251,16	16.990,97	195,61
Kỳ 4/Tháng 5	183.389.934.324	10.600.412,33	17.300,26	309,29
Kỳ 5/Tháng 5	185.628.183.931	10.640.555,52	17.445,34	145,08
Kỳ cuối/Tháng 5	186.186.672.892	10.651.372,21	17.480,06	34,72
Kỳ 1/Tháng 6	188.724.184.568	10.651.372,21	17.718,29	238,23
Kỳ 2/Tháng 6	190.513.776.871	10.670.833,89	17.853,69	135,40
Kỳ 3/Tháng 6	194.465.222.579	10.741.220,94	18.104,57	250,88
Kỳ 4/Tháng 6	195.020.594.993	10.733.078,13	18.170,05	65,48
Kỳ cuối/Tháng 6	196.056.587.068	10.737.344,19	18.259,31	89,26
Kỳ 1/Tháng 7	196.189.709.525	10.737.344,19	18.271,71	12,40
Kỳ 2/Tháng 7	195.391.416.845	10.817.574,05	18.062,40	(209,31)
Kỳ 3/Tháng 7	193.427.825.955	10.864.709,53	17.803,31	(259,09)
Kỳ 4/Tháng 7	194.216.184.198	10.921.454,35	17.782,99	(20,32)
Kỳ cuối/Tháng 7	199.051.361.351	10.991.759,89	18.109,14	326,15
Kỳ 1/Tháng 8	198.730.410.870	10.991.759,89	18.079,94	(29,20)
Kỳ 2/Tháng 8	200.429.786.967	11.150.269,38	17.975,33	(104,61)
Kỳ 3/Tháng 8	201.048.150.975	11.217.093,83	17.923,37	(51,96)
Kỳ 4/Tháng 8	200.867.695.616	11.303.580,86	17.770,27	(153,10)
Kỳ 5/Tháng 8	202.067.599.343	11.320.914,83	17.849,05	78,78
Kỳ cuối/Tháng 8	203.848.155.548	11.393.706,13	17.891,29	42,24

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017		Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
		Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	
	VND		VND	VND
Kỳ 1/Tháng 9	204.500.562.820	11.393.706,13	17.948,55	57,26
Kỳ 2/Tháng 9	203.609.396.926	11.469.414,75	17.752,37	(196,18)
Kỳ 3/Tháng 9	209.307.932.672	11.705.869,15	17.880,59	128,22
Kỳ 4/Tháng 9	214.067.171.007	11.865.238,66	18.041,53	160,94
Kỳ cuối/Tháng 9	219.660.083.816	12.160.768,22	18.063,01	21,48
Kỳ 1/Tháng 10	218.177.419.462	12.160.768,22	17.941,08	(121,93)
Kỳ 2/Tháng 10	219.640.550.126	12.172.864,42	18.043,45	102,37
Kỳ 3/Tháng 10	224.005.519.180	12.338.242,01	18.155,38	111,93
Kỳ 4/Tháng 10	221.129.416.330	12.366.100,61	17.881,90	(273,48)
Kỳ cuối/Tháng 10	221.421.016.836	12.446.167,26	17.790,29	(91,61)
Kỳ 1/Tháng 11	224.928.871.039	12.568.487,09	17.896,25	105,96
Kỳ 2/Tháng 11	229.674.179.886	12.537.503,14	18.318,97	422,72
Kỳ 3/Tháng 11	235.954.287.423	12.664.007,85	18.631,88	312,91
Kỳ 4/Tháng 11	237.333.435.950	12.620.254,94	18.805,75	173,87
Kỳ cuối/Tháng 11	241.039.084.135	12.664.865,46	19.032,10	226,35
Kỳ 1/Tháng 12	243.747.220.841	12.664.865,46	19.245,93	213,83
Kỳ 2/Tháng 12	240.631.191.982	12.687.193,14	18.966,46	(279,47)
Kỳ 3/Tháng 12	245.672.531.402	12.698.879,86	19.346,00	379,54
Kỳ cuối/Tháng 12	246.673.196.321	12.622.021,38	19.543,08	197,08
Kỳ cuối/Tháng 12	251.751.917.501	12.713.916,54	19.801,28	258,20
Giá trị tài sản ròng bình quân năm	194.365.628.765			422,72

Giá trị tài sản ròng bình quân năm

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức cao nhất

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức thấp nhất

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Kỳ tính NAV	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016			Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	NAV	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	
	VND		VND	VND
Kỳ 1/Tháng 1	90.366.154.388	6.998.786,28	12.911,68	(167,44)
Kỳ 2/Tháng 1	89.295.753.018	7.006.752,76	12.744,24	(300,19)
Kỳ 3/Tháng 1	87.761.023.260	7.052.444,62	12.444,05	24,72
Kỳ 4/Tháng 1	88.228.396.605	7.075.945,67	12.468,77	208,25
Kỳ cuối/Tháng 1	91.289.020.698	7.201.138,01	12.677,02	(144,63)
Kỳ 1/Tháng 2	90.247.533.672	7.201.138,01	12.532,39	225,01
Kỳ 2/Tháng 2	92.032.075.424	7.214.009,71	12.757,40	195,63
Kỳ 3/Tháng 2	93.729.325.209	7.236.087,88	12.953,03	336,07
Kỳ 4/Tháng 2	96.510.037.466	7.262.341,16	13.244,30	(44,80)
Kỳ cuối/Tháng 2	96.605.653.051	7.294.125,04	13.352,84	108,54
Kỳ 1/Tháng 3	97.397.340.317	7.294.125,04	13.567,73	214,89
Kỳ 2/Tháng 3	98.964.749.261	7.294.125,04	13.636,96	69,23
Kỳ 3/Tháng 3	99.611.932.517	7.304.551,54	13.640,35	3,39
Kỳ 4/Tháng 3	99.919.376.377	7.325.277,03	13.773,99	133,64
Kỳ 5/Tháng 3	99.177.472.503	7.200.341,48	13.555,64	(218,35)
Kỳ cuối/Tháng 3	97.389.120.916	7.184.395,09	13.562,98	7,34
Kỳ 1/Tháng 4	97.441.849.397	7.184.395,09	13.970,40	407,42
Kỳ 2/Tháng 4	100.436.031.681	7.189.199,32	13.687,31	(283,09)
Kỳ 3/Tháng 4	99.401.434.855	7.262.303,91	13.848,89	161,58
Kỳ 4/Tháng 4	101.536.474.671	7.331.740,81	13.800,11	(48,78)
Kỳ cuối/Tháng 4	100.546.670.881	7.285.929,46	13.800,11	(0,85)
Kỳ 1/Tháng 5	100.540.486.972	7.285.929,46	13.799,26	(19,04)
Kỳ 2/Tháng 5	101.650.589.362	7.376.556,29	13.780,22	227,35
Kỳ 3/Tháng 5	104.268.751.343	7.443.739,93	14.007,57	(9,50)
Kỳ 4/Tháng 5	104.241.497.762	7.446.847,18	13.998,07	116,80
Kỳ cuối/Tháng 5	105.073.715.948	7.444.184,65	14.114,87	

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
	NAV	Số lượng CCQ	
	VND	NAV/CCQ	VND
Kỳ 1/Tháng 6	106.443.361.859	7.471.078,56	14.247,38
Kỳ 2/Tháng 6	108.502.624.342	7.577.812,17	14.318,46
Kỳ 3/Tháng 6	111.864.091.226	7.654.417,18	295,85
Kỳ 4/Tháng 6	135.061.663.011	9.157.960,29	133,69
Kỳ cuối/Tháng 6	137.205.984.597	9.203.929,51	159,32
Kỳ 1/Tháng 7	138.835.746.848	9.203.929,51	177,07
Kỳ 2/Tháng 7	139.974.451.223	9.222.398,37	93,27
Kỳ 3/Tháng 7	139.957.079.665	9.233.430,56	(20,02)
Kỳ 4/Tháng 7	139.212.418.782	9.253.869,00	(113,95)
Kỳ cuối/Tháng 7	140.895.852.090	9.306.820,12	95,29
Kỳ 1/Tháng 8	138.614.015.113	9.306.820,12	(245,17)
Kỳ 2/Tháng 8	139.935.803.184	9.312.035,95	133,60
Kỳ 3/Tháng 8	146.066.846.231	9.469.329,96	397,84
Kỳ 4/Tháng 8	147.209.017.005	9.493.386,19	81,23
Kỳ 5/Tháng 8	147.972.174.700	9.466.927,32	123,95
Kỳ cuối/Tháng 8	150.066.602.665	9.512.694,16	144,97
Kỳ 1/Tháng 9	149.729.582.941	9.512.694,16	(35,43)
Kỳ 2/Tháng 9	149.344.546.597	9.533.254,65	(74,33)
Kỳ 3/Tháng 9	149.955.373.158	9.599.372,90	(44,27)
Kỳ 4/Tháng 9	154.623.991.622	9.748.349,89	240,18
Kỳ cuối/Tháng 9	154.681.408.743	9.727.507,44	39,89

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016		Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	NAV	Số lượng CCQ	
	VND	VND	VND
Kỳ 1/Tháng 10	153.701.638.225	9.727.507,44	15.800,72
Kỳ 2/Tháng 10	153.021.848.507	9.727.507,44	(69,89)
Kỳ 3/Tháng 10	154.596.314.841	9.811.853,87	25,24
Kỳ 4/Tháng 10	152.530.657.096	9.839.297,71	(253,89)
Kỳ cuối/Tháng 10	152.974.889.763	9.854.658,71	20,92
Kỳ 1/Tháng 11	152.850.714.987	9.854.658,71	(12,60)
Kỳ 2/Tháng 11	152.924.356.930	9.895.023,82	(55,83)
Kỳ 3/Tháng 11	152.256.102.605	9.915.917,72	(99,96)
Kỳ 4/Tháng 11	153.247.308.096	9.998.313,86	(27,40)
Kỳ 5/Tháng 11	151.072.660.843	9.966.634,27	(169,47)
Kỳ cuối/Tháng 11	151.843.387.624	9.978.399,61	59,36
Kỳ 1/Tháng 12	150.158.859.381	9.978.399,61	(168,81)
Kỳ 2/Tháng 12	147.970.723.626	9.992.707,56	(240,52)
Kỳ 3/Tháng 12	150.326.061.390	10.075.510,33	112,07
Kỳ cuối/Tháng 12	149.921.923.777	10.076.562,78	(41,66)
Kỳ cuối/Tháng 12	151.681.688.763	10.059.647,03	199,95
Giá trị tài sản ròng bình quân năm	124.649.557.582		407,42

(0,85)

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức cao nhất
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức thấp nhất

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

24. TÀI SẢN NGOẠI BẢNG

24.1 Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Đến một năm	<u>12.713.916,54</u>	<u>10.059.647,03</u>

25. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tỷ lệ chi phí hoạt động	2,14%	2,56%
Tốc độ vòng quay danh mục	22,64%	33,32%

25.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động *100 (\%)}}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

25.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 *100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quý. Quý cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

26.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu niêm yết do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quý quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quý là 180.363.866.650 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quý sẽ giảm khoảng 18.036.386.665 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quý sẽ tăng khoảng 18.036.386.665 đồng.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quý. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quý nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quý do Quý không nắm giữ các chứng khoán nợ nào.

(iii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quý được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quý là không có.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quý chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quý theo chính sách của Quý. Quý nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quý là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quý (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

26.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quý đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quý giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	7.862.212.593	7.862.212.593	4.820.069.349	4.820.069.349
- Tiền gửi ngân hàng	8.225.259.694	8.225.259.694	6.631.363.830	6.631.363.830
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng				
Các khoản đầu tư	180.363.866.650	180.363.866.650	101.395.211.850	101.395.211.850
- Cổ phiếu niêm yết	46.654.538.316	46.654.538.316	39.234.359.565	39.234.359.565
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	10.079.275.200	10.079.275.200	-	-
- Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết			494.000.000	494.000.000
- Quyền mua chứng khoán	2.581.232.763	2.581.232.763	1.589.380.255	1.589.380.255
Các khoản phải thu				
TỔNG CỘNG	255.766.385.216	255.766.385.216	154.164.384.849	154.164.384.849
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	1.327.948.940	1.327.948.940	1.346.116.150	1.346.116.150
Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	308.660.408	308.660.408	307.537.268	307.537.268
Chi phí phải trả	76.000.000	76.000.000	66.000.000	66.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	1.711.014.000	1.711.014.000	317.200.885	317.200.885
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	145.645.336	145.645.336	124.494.491	124.494.491
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	442.307.911	442.307.911	290.753.632	290.753.632
TỔNG CỘNG	4.011.576.595	4.011.576.595	2.452.102.426	2.452.102.426

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4*.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4*.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

28.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Phí quản lý Quỹ	<u>2.916.413.445</u>	<u>1.870.423.285</u>

b) Thủ lao Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán như chi phí của Quỹ.

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	<u>120.000.000</u>	<u>120.000.000</u>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

28.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Chủ sở hữu chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.500.000,00	19,66%	2.500.000,00	24,85%
Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	1.709.027,88	13,45%	1.709.027,88	16,99%
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chủ sở hữu chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.370.330,35 53.625,45	18,64% 0,42%	2.370.330,35 164.645,43	23,56% 1,64%
Bên liên quan khác		6.632.983,68	52,17%	6.744.003,66	67,04%
Tổng cộng					

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

28.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký, Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 11.000.000 đồng mỗi tháng trong vòng 6 tháng được tính từ ngày có hiệu lực của bản Điều lệ, các tháng tiếp theo tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng) và phí lưu ký là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu 11.000.000 đồng mỗi tháng trong vòng 6 tháng được tính từ ngày có hiệu lực của bản Điều lệ, các tháng tiếp theo tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng).

Ngoài ra, Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam cũng là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam khoản phí quản trị quỹ là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (mức tối thiểu được miễn áp dụng trong vòng 6 tháng, các tháng sau đó tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng).

Chi tiết phí dịch vụ phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước	
	Ngân hàng Standard Chartered VND	Ngân hàng Standard Chartered VND	Ngân hàng Deutsche Bank AG VND
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quý	273.205.099	69.800.621	243.325.599
Phí dịch vụ giám sát	214.500.000	36.300.000	207.900.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	178.200.000	-	86.467.233
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	-	-	24.460.904

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Bà Võ Thị Thùy Linh
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2018